

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

*đã được kiểm toán*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Tổng giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính</b>	<b>5 - 29</b>
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 29

---

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0500447117 ngày 18 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại số 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Tiến Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tuấn Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2021
Ông Nguyễn Đại Lâm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2021
Bà Lê Thị Mùi	Ủy viên	

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Tổng giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Đại Lâm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Luyến	Kế toán trưởng	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) – Chi nhánh phía Bắc đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### Báo cáo của Tổng giám đốc (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hoàng



Số: 101./2022/BCKT-AASCN.PB

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Tổng giám đốc*

Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2022

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán**  
**và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc**

**Giám đốc**



**Bùi Thị Ngọc Lân**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

**Kiểm toán viên**



**Vũ Thị Yến**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4991-2019-152-1

#### **Headquarters**

29 Hoàng Sa Str., Dist.1, Hochiminh City  
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

4

#### **The North Branch**

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi  
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429  
Email: admin@namvietpb.vn



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>33.206.382.981</b>	<b>36.983.000.126</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>100.049.980</b>	<b>147.332.688</b>
1.	Tiền	111		100.049.980	147.332.688
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.236.153.942</b>	<b>34.971.619.764</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	1.542.553.534	34.106.923.276
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.250.000	30.346.080
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	5.373.481.001	5.533.481.001
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(4.699.130.593)	(4.699.130.593)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>28.158.881.166</b>	<b>1.863.796.842</b>
1.	Hàng tồn kho	141		28.158.881.166	1.863.796.842
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.711.297.893</b>	<b>250.832</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.711.297.893	250.832
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

NG  
 TNH  
 VỤ  
 NH  
 HỀ  
 M  
 NI  
 HIA  
 PH  
  
 17.  
 TV  
 IAI  
 HC  
 GL  
  
 3-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>39.974.377.311</b>	<b>69.048.475.234</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>565.068.893</b>	<b>695.244.617</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	565.068.893	695.244.617
	- Nguyên giá	222		6.336.709.455	6.336.709.455
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.771.640.562)	(5.641.464.838)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	<b>39.409.308.418</b>	<b>68.353.230.617</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	71.189.328.472
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.342.646.117	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.933.337.699)	(2.836.097.855)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>73.180.760.292</b>	<b>106.031.475.360</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.251.928.197</b>	<b>39.240.395.788</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.051.928.197</b>	<b>39.040.395.788</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	4.459.916.493	38.379.291.366
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		61.500.000	61.500.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	539.114	10.989.506
4.	Phải trả người lao động	314		92.857.453	105.709.128
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	55.000.000	86.080.000
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12	37.170.329	55.000.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	131.961.927	128.842.907
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		212.982.881	212.982.881
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.11	200.000.000	200.000.000
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>67.928.832.095</b>	<b>66.791.079.572</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>67.928.832.095</b>	<b>66.791.079.572</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.000.000.000	111.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		11.718.534.049	11.718.534.049
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(145.789.701.954)	(146.927.454.477)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(146.927.454.477)	(150.226.613.204)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.137.752.523	3.299.158.727
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>73.180.760.292</b>	<b>106.031.475.360</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Luyên

Nguyễn Thị Luyên

Nguyễn Tuấn Hoàng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.458.823.521	1.413.562.667
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.458.823.521	1.413.562.667
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.494.416.292	(434.454.828)
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		964.407.229	1.848.017.495
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	116.556.785	303.445
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	(902.760.156)	(138.479.452)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	845.971.647	(1.324.858.335)
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.137.752.523	3.311.658.727
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	VI.05	-	12.500.000
13.	Lợi nhuận khác	40		-	(12.500.000)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.137.752.523	3.299.158.727
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.137.752.523	3.299.158.727
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		103	297
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		103	297

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Luyên

Nguyễn Thị Luyên

Nguyễn Tuấn Hoàng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		<b>1.137.752.523</b>	<b>3.299.158.727</b>
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		130.175.724	130.175.724
-	Các khoản dự phòng	03		(902.760.156)	(3.188.280.947)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(116.556.785)	(303.445)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<b>248.611.306</b>	<b>240.750.059</b>
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.024.418.761	117.277.232.353
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.295.084.324)	-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(33.988.467.591)	(110.257.293.237)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<b>(30.010.521.848)</b>	<b>7.260.689.175</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7.147.185.840)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		29.963.115.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		124.140	303.445
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<b>29.963.239.140</b>	<b>(7.146.882.395)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(47.282.708)</b>	<b>113.806.780</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>147.332.688</b>	<b>33.525.908</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>100.049.980</b>	<b>147.332.688</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Luyện

Nguyễn Thị Luyện

Nguyễn Tuấn Hoàng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2021

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

- Kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có Công ty liên kết là:

<i>Tên Công ty liên kết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 03 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 04 người).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

### 02. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### 03. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm

#### 06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 08. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### 09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

#### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### *Doanh thu kinh doanh bất động sản (cho thuê)*

Doanh thu cho thuê được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là dự phòng giảm giá đầu tư.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền	100.049.980	147.332.688
+ Tiền mặt	35.892.933	108.576.753
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	64.157.047	38.755.935
- Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>100.049.980</b>	<b>147.332.688</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**  
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND				
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)		% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
02. Các khoản đầu tư tài chính									
- Đầu tư vào công ty con									
+ Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn <sup>(a)</sup>	-	-	-	-		71.189.328.472	(2.836.097.855)	(2.836.097.855)	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết									
+ Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn <sup>(a)</sup>	49,00	41.342.646.117	(1.933.337.699)	(*)		71.189.328.472	(2.836.097.855)	(2.836.097.855)	(*)
<b>Cộng</b>		<b>41.342.646.117</b>	<b>(1.933.337.699)</b>			<b>71.189.328.472</b>	<b>(2.836.097.855)</b>		

(a) Trong năm, Công ty chuyển nhượng 1.707.300 cổ phần của Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn với giá chuyển nhượng 17.550 đồng/ cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty sở hữu 2.364.896 cổ phần Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn chiếm 49% vốn góp của chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn.

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Thông tin chi tiết về Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:**

Tên Công ty liên kết	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	48.265.200.000	23.648.960.000	Bán hàng thương mại

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**  
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Số đầu năm
<b>03. Phải thu của khách hàng</b>				
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	-	34.106.923.276	(1.417.720.767)
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Viễn thông Vina	621.939.611	(621.939.611)	32.567.080.890	(621.939.611)
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	920.613.923	(795.817.355)	621.939.611	(795.781.156)
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>1.542.553.534</b>	<b>(1.417.756.966)</b>	<b>34.106.923.276</b>	<b>(1.417.720.767)</b>
<b>04. Phải thu khác</b>				
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Tạm ứng	5.373.481.001	(3.281.373.627)	5.533.481.001	(3.281.409.826)
- Phải thu khác	5.373.481.001	(3.281.373.627)	130.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì và Dịch vụ Sam Thịnh	525.756.120	(525.756.120)	5.403.481.001	(3.281.409.826)
+ Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú	262.878.059	(262.878.059)	525.756.120	(525.756.120)
+ Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường	525.756.120	(525.756.120)	262.878.059	(262.878.059)
+ Bà Nguyễn Thị Dung	200.000.000	(200.000.000)	525.756.120	(525.756.120)
+ Các khoản phải thu khác	3.859.090.702	(1.766.983.328)	200.000.000	(200.000.000)
<b>b. Dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>5.373.481.001</b>	<b>(3.281.373.627)</b>	<b>5.533.481.001</b>	<b>(3.281.409.826)</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**  
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
05. Nợ xấu				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Viễn thông Vina	621.939.611	-	621.939.611	-
Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú	262.878.059	-	262.878.059	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường	525.756.120	-	525.756.120	-
Công ty Cổ phần Bao bì và Dịch vụ Sam Thịnh	525.756.120	-	525.756.120	-
Các đối tượng khác	2.762.800.683	-	2.762.800.683	-
<b>Cộng</b>	<b>4.699.130.593</b>	-	<b>4.699.130.593</b>	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
06. Hàng tồn kho				
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	804.823.028	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	141.953.988	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hoá	28.158.881.166	-	917.019.826	-
- Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.158.881.166</b>	-	<b>1.863.796.842</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THẮNG LONG**  
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.254.391.410</b>	<b>2.963.603.455</b>	<b>118.714.590</b>	<b>6.336.709.455</b>
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.254.391.410</b>	<b>2.963.603.455</b>	<b>118.714.590</b>	<b>6.336.709.455</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.559.146.793</b>	<b>2.963.603.455</b>	<b>118.714.590</b>	<b>5.641.464.838</b>
- Khấu hao trong năm	130.175.724	-	-	130.175.724
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.689.322.517</b>	<b>2.963.603.455</b>	<b>118.714.590</b>	<b>5.771.640.562</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>695.244.617</b>	-	-	<b>695.244.617</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>565.068.893</b>	-	-	<b>565.068.893</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 3.082.318.045 đồng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>55.000.000</b>	<b>86.080.000</b>
- Chi phí kiểm toán	55.000.000	85.000.000
- Các khoản trích trước khác	-	1.080.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>55.000.000</b>	<b>86.080.000</b>

**11. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>131.961.927</b>	<b>128.842.907</b>
- Kinh phí công đoàn	37.159.671	34.040.651
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	55.651.330	55.651.330
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.150.926	39.150.926
<b>b. Phải trả dài hạn khác</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>331.961.927</b>	<b>328.842.907</b>

**12. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>37.170.329</b>	<b>55.000.000</b>
- Doanh thu nhận trước về cho thuê nhà xưởng	37.170.329	55.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>37.170.329</b>	<b>55.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**  
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(150.226.613.204)	63.491.920.845
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	3.299.158.727	3.299.158.727
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(146.927.454.477)	66.791.079.572
<b>Số dư đầu năm nay</b>					
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	1.137.752.523	1.137.752.523
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(145.789.701.954)	67.928.832.095

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.000.000.000	100	111.000.000.000	100
<b>Cộng</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	111.000.000.000	111.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Quỹ đầu tư phát triển**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	11.718.534.049	11.718.534.049
<b>Cộng</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>11.718.534.049</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	1.000.000.000	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.458.823.521	1.413.562.667
<b>Cộng</b>	<b>2.458.823.521</b>	<b>1.413.562.667</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	946.777.016	-
- Chi phí kinh doanh bất động sản	547.639.276	512.322.188
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(946.777.016)
<b>Cộng</b>	<b>1.494.416.292</b>	<b>(434.454.828)</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.140	303.445
- Lãi bán các khoản đầu tư	116.432.645	-
<b>Cộng</b>	<b>116.556.785</b>	<b>303.445</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(902.760.156)	(138.479.452)
<b>Cộng</b>	<b>(902.760.156)</b>	<b>(138.479.452)</b>

**05. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt	-	12.500.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>12.500.000</b>

**06. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	754.176.853	514.148.277
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(2.103.024.479)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.794.794	261.017.867
<b>Cộng</b>	<b>845.971.647</b>	<b>(1.324.858.335)</b>

**07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	754.176.853	514.148.277
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	130.175.724	130.175.724
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	506.258.346	643.164.331
- Chi phí khác bằng tiền	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	-	(2.103.024.479)
<b>Cộng</b>	<b>1.393.610.923</b>	<b>(812.536.147)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Duong, phường Duong Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.137.752.523	3.299.158.727
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.137.752.523	3.299.158.727
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.100.000	11.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>103</b>	<b>297</b>

**09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.137.752.523	3.299.158.727
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.137.752.523	3.299.158.727
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>103</b>	<b>297</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

***Giao dịch với các bên liên quan khác***



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**

La Duong, phường Duong Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ. Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Công ty con đến ngày 04/11/2021 Công ty liên kết từ ngày 04/11/2021

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn số dư công nợ đối với các bên liên quan khác.

**03. Thông tin về bộ phận*****Lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: thương mại và kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Thương mại</u>	<u>Kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.000.000.000	1.458.823.521	2.458.823.521
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
- Chi phí phân bổ	876.277.734	444.793.264	1.321.070.998
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	123.722.266	1.014.030.257	1.137.752.523
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	52.942.280	77.233.444	130.175.724
<b>Số dư cuối năm</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	32.009.432.369	1.661.969.525	33.671.401.894
- Tài sản không phân bổ			39.509.358.398
<b>Tổng tài sản</b>	<b>32.009.432.369</b>	<b>1.661.969.525</b>	<b>73.180.760.292</b>
- Nợ phải trả bộ phận	2.049.331.834	2.989.613.482	5.038.945.316
- Nợ phải trả không phân bổ			212.982.881
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.049.331.834</b>	<b>2.989.613.482</b>	<b>5.251.928.197</b>

***Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:***

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Năm trước toàn bộ hoạt động trong năm của Công ty là kinh doanh bất động sản và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**  
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.049.980	147.332.688	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.916.034.535	39.510.404.277	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.016.084.515</b>	<b>39.657.736.965</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	4.459.916.493	38.379.291.366	(*)	(*)
Vay và nợ	-	-	(*)	(*)
Chi phí phải trả	55.000.000	86.080.000	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	39.150.926	39.150.926	(*)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>4.554.067.419</b>	<b>38.503.662.292</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	4.459.916.493	-		4.459.916.493
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	55.000.000	-		55.000.000
Các khoản phải trả khác	39.150.926	-		39.150.926
<b>Cộng</b>	<b>4.554.067.419</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.554.067.419</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	38.379.291.366	-		38.379.291.366
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	86.080.000	-		86.080.000
Các khoản phải trả khác	39.150.926	-		39.150.926
<b>Cộng</b>	<b>38.504.522.292</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.504.522.292</b>

### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## **08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc (AASCN). Trong đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu (mã số 70) và Lãi suy giảm trên cổ phiếu (mã số 71) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định lại trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của năm 2020, do năm 2020 các chỉ tiêu này xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất.

## **09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2022

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Luyên**

**Nguyễn Thị Luyên**

**Nguyễn Tuấn Hoàng**